

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỊNH QUÁN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 21 tháng 12 năm 2020  
V/v xin ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Xuân Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Đông; Ông Phạm Văn Sơn.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Quách Kim Lân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:***  
Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 288/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

**- *Nguyên đơn:*** Chị Lương Thanh T - sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

**- *Bị đơn:*** Anh Trần Ngọc H - sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 04/6/2020; bản tự khai; nguyên đơn là chị Lương Thanh T trình bày:**

- Chị và anh Trần Ngọc H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Định và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 10/01/2011. Sau khi kết hôn, chị và anh H sống không hạnh phúc; nguyên nhân mâu thuẫn

do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng trong cuộc sống. Do chị không chịu đựng được nên chị đã về nhà mẹ của chị sinh sống ly thân với anh H cho đến nay. Nay cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Chị và anh H có 01 con chung tên Trần Ngọc Gia B - sinh ngày 09/12/2010 hiện đang do chị nuôi dưỡng. Nếu được ly hôn, chị xin tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Chị và anh H không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn anh** Trần Ngọc H: Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt, không nêu ý kiến về việc khởi kiện của chị T.

**Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:** Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đều đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì.

Về đường lối xử lý vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H. Giao cháu Trần Ngọc Gia B cho chị T nuôi con và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T, anh H không có tài sản chung hay nợ chung nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Trần Ngọc H trú tại xã Ngọc Định, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H, yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chia tài sản chung nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, nuôi con” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc vắng mặt các đương sự: Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt (BL 24); anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh H tự nguyện đăng ký kết hôn; hôn

nhân không vi phạm điều cấm nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Cuộc sống vợ chồng giữa chị T, anh H không hạnh phúc và hai người đã tự sống ly thân nhau từ năm 2011 đến nay (BL 25, 26). Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H đến để hòa giải đoàn tụ cho hai người nhưng anh H không đến và hai người tiếp tục sống xa nhau. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị T, anh H có mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H.

[5] Về quan hệ con chung: Chị T, anh H có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Gia B - sinh ngày 09/12/2010 hiện đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương thể hiện chị T là người có phẩm chất đạo đức tốt, quá trình sống ly thân thì chị T đã chăm sóc con tốt để đảm bảo các cháu phát triển bình thường, học tập tốt mà chưa có căn cứ thể hiện chị T vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc xâm phạm quyền lợi của con chung (BL 26). Để tránh xáo trộn về tâm lý và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con trẻ, Hội đồng xét xử tiếp tục giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu nên tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì quyền lợi của con chung, anh H có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Chị T, anh H có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị T, anh H không có tài sản chung hay nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

[7] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và hoàn toàn đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 92, 93, 95 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thanh T được ly hôn với anh Trần Ngọc H.

2. Giao cháu Trần Ngọc Gia B - sinh ngày 09/12/2010 cho chị Lương Thanh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Vì quyền lợi của con chung, anh H có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Chị T, anh H có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ: Chị T phải chịu. Chị T đã nộp tạm ứng 300.000đ (biên lai số 0005212 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán) được chuyển thu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

*Nơi nhận :*

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Định Quán;
- Thi hành án dân sự H. Định Quán;
- UBND cấp xã (ghi vào sổ hộ tịch);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Xuân Hòa**

